

PHÂN HÓA NỘI DUNG, QUÁ TRÌNH, SẢN PHẨM TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

Lê Thị Nguyên¹

Tóm tắt: Phân hóa là một phần quan trọng trong chương trình giảng dạy. Đây là một khái niệm rộng và bao quát mọi khía cạnh của việc giảng dạy, từ hoạt động tại lớp đến các nhiệm vụ tiếp nối ở nhà. Bài viết này nhằm làm rõ các khía cạnh chủ yếu của phân hóa trong dạy học các môn học – bao gồm phân hóa nội dung, quá trình và sản phẩm học tập – với các minh họa cụ thể để giáo viên hình dung và vận dụng phân hóa trong các lĩnh vực nội dung khác nhau.

Từ khóa: dạy học phân hóa, phân hóa nội dung, quá trình, sản phẩm học tập

1. MỞ ĐẦU

Phân hóa là cách tiếp cận linh hoạt khi thực hiện chương trình giảng dạy, xoay quanh nội dung được thiết kế phù hợp với lứa tuổi nhưng có điều chỉnh mức độ và cách thức thực hiện để thử thách học sinh (HS) vượt trội và hỗ trợ (bắc giàn) cho các HS khác. Phân hóa giúp giải quyết một vấn đề thách thức của dạy học là làm sao đáp ứng nhu cầu học tập của từng HS mà không gây bó buộc cho các em hoặc quá tải cho giáo viên (GV). Sự cần thiết dạy học theo hướng phân hóa đã được nêu rõ trong Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018, trong đó nhấn mạnh ‘việc phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi HS...’ [Chương trình tổng thể, tr.5].

Trong bối cảnh lớp học, tuy có những điểm tương đồng về lứa tuổi nhưng năng lực học tập của HS không đồng đều; mỗi em có vốn kiến thức, hứng thú và tốc độ tiếp thu khác nhau. Thay vì dạy học theo một khuôn mẫu chung cho tất cả, dạy học phân hóa sẽ giúp GV đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của HS bằng cách điều chỉnh nội dung, cách thức tổ chức phù hợp với từng nhóm hoặc từng cá nhân HS – nhờ đó giúp tất cả HS đều có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng và thể mạnh riêng của mình.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu gần đây (Diane Heacox, 2012, Tomlinson, 2017; Rachel Orr, 2017, Kristina J. Doughty, 2017; Julia Link Roberts, 2023) trình bày các nguyên tắc cơ bản của giảng dạy phân hóa và cung cấp thêm nhiều chiến lược mới để thực hiện phân hóa hiệu quả. Những nghiên cứu này đề cập đến nhiều phương diện của việc dạy học phân hóa như: Hướng dẫn phân hóa là gì và tại sao nó quan trọng, cách xây dựng môi trường học tập linh hoạt, cách quản lý một lớp học phân hóa, cách lập kế hoạch

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

bài dạy dựa trên mức độ sẵn sàng, sở thích và phong cách học tập của HS, cách thực hiện chiến lược phân hóa cho nhiều môn học khác nhau.v.v..

Dựa trên phân tích các nghiên cứu đã có, bài viết này nhằm cung cấp một hướng dẫn thực tế cho GV trong dạy học các môn học ở tiểu học theo CTGDPT 2018, trong đó tập trung phân biệt các hướng phân hóa cơ bản về nội dung, quá trình và sản phẩm học tập cùng với ví dụ minh họa cụ thể. Đây là tham khảo hữu ích cho các GV dù mới tiếp cận giảng dạy phân hóa hay đang tìm cách mở rộng kho chiến lược của mình.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề về dạy học phân hóa ở tiểu học

2.1.1 Khái niệm dạy học phân hóa

Thuật ngữ “phân hóa” được Kaplan (1979) sử dụng để mô tả việc xây dựng chương trình cho HS năng khiếu. Trước đó, nhiều thuật ngữ như *điều chỉnh cách thức, thay đổi nội dung* và *bố trí hỗ trợ phù hợp* để đáp ứng nhu cầu người học đã được dùng để mô tả những gì hiện nay mà chúng ta đang gọi là dạy học phân hóa.

Về thuật ngữ, phân hóa hay cá nhân hóa việc học (individualization) có sự nhất quán, đề chỉ sự cố gắng làm những gì tốt nhất cho từng cá nhân HS – những gì tốt nhất giúp thúc đẩy sự phát triển của từng em. Trong nhiều thời điểm đó có thể là hoạt động mang tính cá nhân, trong nhiều thời điểm khác đó có thể là hoạt động nhóm; đôi khi các hoạt động sẽ được các cá nhân lựa chọn, những lúc khác lại do GV hoặc nhóm lựa chọn [1].

Diane Heacox đưa ra quan niệm [2]: Phân hóa giảng dạy có nghĩa là thay đổi tốc độ, mức độ hoặc loại hình giảng dạy mà GV cung cấp để đáp ứng nhu cầu, phong cách hoặc sở thích của từng HS. Phân hóa giảng dạy đáp ứng cách học tốt nhất của HS và cho phép các em thể hiện những gì đã học theo cách tận dụng thế mạnh và sở thích riêng. Với đặc trưng là tính linh hoạt, GV có thể phân hóa giảng dạy ngay cả khi chương trình được quy định bởi cơ quan quản lý giáo dục (như Chương trình giáo dục quốc gia) hoặc nếu việc học được đo lường bằng các kỳ thi đánh giá kỹ năng cơ bản của lứa tuổi.

Rachel Orr giải thích: Phân hóa trong giảng dạy thường là một vấn đề gây tranh cãi. Có người cho rằng đây là chìa khóa để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của HS, trong khi người khác lo ngại rằng quá nhiều phân hóa có thể hạn chế việc học chung của lớp – thách thức này của phân hóa có thể giải quyết bằng cách đưa học tập hợp tác vào lớp học. Phân hóa ở cấp tiểu học phải trở thành cốt lõi của quá trình giảng dạy và học tập. Nó cần tập trung vào nhu cầu cá nhân, dựa trên nguyên tắc rằng không có phương pháp chung nào phù hợp với tất cả HS. Theo đó một điều quan trọng của phân hóa là về việc GV hiểu rõ HS của mình. [3]

Khái niệm phổ biến được trích dẫn theo Carol Ann Tomlinson như sau [4], [5]: *Dạy học phân hóa (Differentiated instruction) là một mô hình dạy học trong đó GV đưa ra các điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng nhu cầu HS dựa trên xem xét sự khác nhau về mức độ sẵn sàng (readiness), sở thích (interest) và hồ sơ học tập (learning profiles) của từng cá nhân – nhằm mục đích tối đa hóa tiềm năng của mỗi người học.*

Nhìn chung phân hóa thừa nhận HS học theo những cách khác nhau và với tốc độ khác nhau. Dạy học phân hóa không chỉ đơn thuần là điều chỉnh nội dung hay lập kế hoạch cho các hoạt động khác nhau mà là một cách tiếp cận linh hoạt về việc học, làm sao để hỗ trợ tốt nhất cho từng cá nhân cũng như cả lớp. Muốn vậy GV cần hiểu rõ các đặc điểm, định hướng và cách thức phân hóa để vận dụng vào lớp học cho hiệu quả.

2.1.2. Các đặc điểm của dạy học phân hóa

Đặc trưng của phân hóa là cách tiếp cận linh hoạt trong đó nhìn nhận HS như những cá nhân riêng biệt nhằm cung cấp nhiều con đường và hình thức tổ chức dạy học sao cho mỗi và tất cả HS đều tham gia vào việc học theo cách phù hợp với cá nhân. Dạy học phân hóa phải đảm bảo các diễn giải sau [2] [4]:

- *Sự chủ động khi lập kế hoạch giảng dạy.* GV cần dự đoán và chủ động phân hóa để đáp ứng các nhu cầu học tập khác nhau, thay vì chỉ điều chỉnh bài dạy khi nhận thấy nó không hiệu quả với một số HS. Hướng dẫn phân hóa không chỉ giúp đỡ HS gặp khó khăn mà còn tạo cơ hội cho HS giỏi tham gia các nhiệm vụ thử thách.

- *Có tính thách thức phù hợp:* GV thực hiện phân hóa điều chỉnh nội dung giảng dạy sao cho vẫn giữ được độ sâu và thử thách cần thiết (nghĩa là vẫn đảm bảo nội dung chương trình học theo quy định) nhưng phù hợp với khả năng cụ thể của từng HS hoặc nhóm HS khác nhau. Tốc độ học tập được điều chỉnh linh hoạt theo nhu cầu của HS. Mục tiêu cuối cùng là giúp HS trở thành người học tự chủ và chia sẻ trách nhiệm trong quá trình học tập của mình.

- *Phân hóa chú trọng chất lượng hơn số lượng.* Dạy học phân hóa liên quan đến việc điều chỉnh chất lượng của nhiệm vụ để đáp ứng HS chứ không phải chỉ thay đổi số lượng bài tập như là giao cho nhóm này ít nhiệm vụ học tập và nhóm kia nhiều nhiệm vụ học tập hơn. Ví dụ, một HS gặp khó khăn trong đọc hiểu có thể cần hỗ trợ thêm khi đọc và viết báo cáo sách; một HS đã chứng minh được sự thành thạo một kỹ năng như toán học đã sẵn sàng ngừng luyện tập kỹ năng đó (bằng cách làm thêm nhiều bài tập) và cần bắt đầu làm việc với một kỹ năng tiếp theo. Việc chỉ điều chỉnh số lượng nhiệm vụ thường sẽ kém hiệu quả hơn so với việc thay đổi tính chất nhiệm vụ cho phù hợp với nhu cầu thực tế của HS.

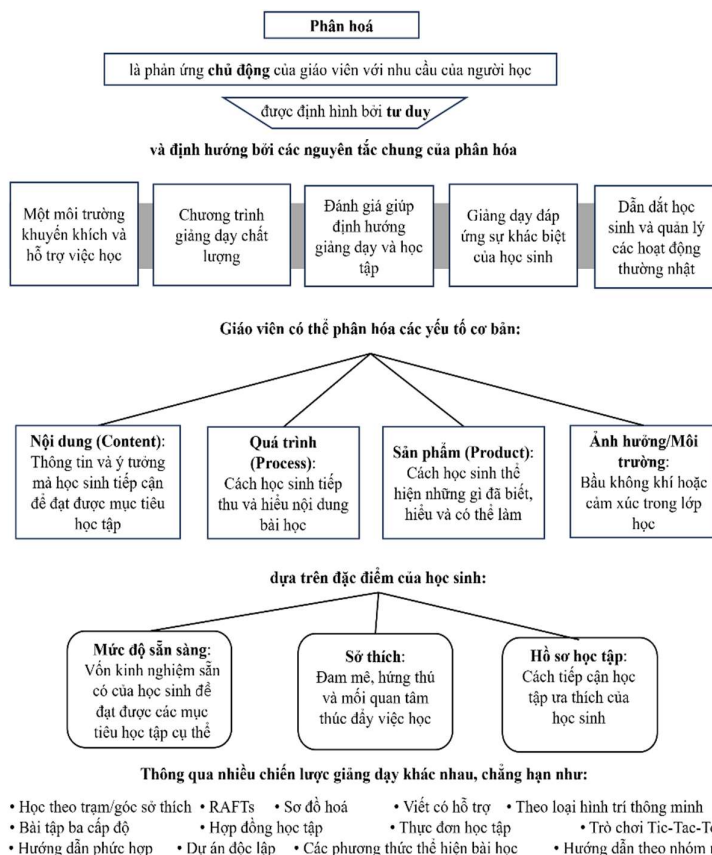
- *Phân hóa dựa trên đánh giá làm nền tảng.* Vì đáp ứng nhu cầu cá nhân của HS là cốt lõi của phân hóa, GV luôn tìm kiếm cơ hội để hiểu rõ HS hơn – thông qua trò chuyện, thảo luận trên lớp, bài làm của HS, quan sát và các bài đánh giá chính thức. Sau đó, GV thiết kế và điều chỉnh trải nghiệm học tập dựa trên kết quả đánh giá. Tiến bộ của mỗi HS được đo lường, ít nhất một phần, dựa trên điểm xuất phát của chính HS đó.

- *Phân hóa đưa ra các tiếp cận khác nhau về nội dung, quá trình, sản phẩm học tập.* Cốt lõi của phân hóa là điều chỉnh các yếu tố này dựa trên đánh giá về *mức độ sẵn sàng* (kỹ năng và mức độ hiểu biết của các em về chủ đề), *hứng thú* (khớp với sở thích và khơi gợi sự tò mò của HS) và *phong cách học tập* (quyền lựa chọn cách làm việc hiệu quả nhất, giúp việc học trở nên dễ tiếp cận hơn với từng cá nhân), giúp tối ưu hóa quá trình học tập cho mọi HS trong lớp.

- *Linh hoạt và đa dạng:* Để phân hóa, GV sử dụng nhiều chiến lược giảng dạy và cung cấp nhiều lựa chọn khác nhau – không có phương pháp chung cho tất cả HS. Trong một lớp học phân hóa, có sự kết hợp tùy lúc hình thức giảng dạy toàn lớp (whole-class), làm việc cá nhân (individual) hoặc theo nhóm (group). Việc sắp xếp nhóm học tập được thay đổi linh hoạt để tối ưu hóa quá trình học tập cho từng HS. Khi phù hợp, HS có thể lựa chọn cách học và cách thể hiện những gì mình đã học, có thể có cơ hội tự khám phá hoặc học qua các dự án. HS có thể chọn làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc cá nhân.

2.2. Định hướng và cách thức phân hóa trong dạy học các môn học ở tiểu học

Hình bên là sơ đồ tóm lược ngắn gọn về dạy học phân hóa. Trong dạy học các môn học tại lớp,



GV có thể thực hiện phân hóa, điều chỉnh các yếu tố cơ bản của dạy học gồm:

- Phân hóa nội dung: Cung cấp tài liệu, văn bản hoặc nguồn học tập đa dạng để phù hợp với các phong cách học khác nhau.
- Phân hóa quá trình: Đề xuất nhiều phương pháp tiếp cận và cách thức thực hiện, như làm việc nhóm, dự án hoặc hoạt động độc lập.
- Phân hóa sản phẩm: Cho phép HS thể hiện kiến thức qua nhiều hình thức như bài thuyết trình, bài luận hoặc hồ sơ cá nhân.
- Phân hóa môi trường học tập: Tạo ra một lớp học linh hoạt và hỗ trợ, nơi HS cảm thấy thoải mái khi thử nghiệm và khám phá các phương pháp học khác nhau.

2.2.1. Phân hóa nội dung

Nội dung là “đầu vào” của quá trình dạy và học, bao gồm những gì GV giảng dạy và những kiến thức HS cần tiếp thu. Có hai cách để phân hóa nội dung:

- Điều chỉnh *nội dung giảng dạy*: thay đổi những gì chúng ta dạy hoặc những gì chúng ta muốn HS học được.
- Điều chỉnh *cách tiếp cận nội dung*: thay đổi cách HS tiếp cận và tiếp thu kiến thức, như là đa dạng các nguồn học liệu, hình thức trình bày học liệu, các kiểu loại đồ dùng học tập.

Trong bối cảnh học tập theo chuẩn hoặc mục tiêu chung, việc giữ nguyên nội dung học tập nhưng điều chỉnh cách tiếp cận để phù hợp với nhu cầu của HS sẽ mang lại lợi ích. Tuy nhiên, khi giảng dạy những kỹ năng có tính tuân tự và tiến trình rõ ràng (chẳng hạn như chính tả hoặc tính toán toán học), việc điều chỉnh nội dung giảng dạy theo nhu cầu của HS là hợp lý.

2.2.2. Phân hóa quá trình

Trong ngôn ngữ giáo dục, “quá trình” (process) thường được hiểu là một hoạt động học tập hay đúng hơn là *hoạt động kiến tạo ý nghĩa (sense-making activity)*. Khi HS tiếp cận thông tin hoặc kiến thức mới (nội dung), các em cần thời gian để xử lý và liên kết chúng với hiểu biết cá nhân – đồng thời thông qua các hoạt động phân tích, diễn giải, khái quát, đặt câu hỏi hoặc giải quyết vấn đề, HS dần hiểu và biến nội dung kiến thức đó thành của riêng mình. Như vậy, một hoạt động học tập thực sự là một quá trình tạo dựng cảm thức/ý nghĩa về thế giới xung quanh, qua đó HS có thể gọi tên cất nghĩa được những gì đang diễn ra. Quá trình kiến tạo ý nghĩa này là một phần thiết yếu của giảng dạy để HS tiếp nhận và hiểu đúng nội dung kiến thức.

Một quá trình/hoạt động tạo nghĩa chỉ có hiệu quả tối đa khi nó tập trung trực tiếp vào phần cốt lõi của kiến thức hay kỹ năng mà HS cần biết, hiểu và có thể áp dụng sau

một bài học cụ thể. Để phân hóa quá trình, có một số tiêu chí cho GV khi thiết kế các hoạt động học tập như:

- Trước hết phải là một hoạt động học tập tốt, được thiết kế để giúp HS tiến bộ từ mức độ hiểu biết hiện tại đến một mức độ sâu sắc và phức tạp hơn – đáp ứng các tiêu chí như:
- Điều làm cho hoạt động học tập này mang tính phân hóa là GV cung cấp nhiều cách khác nhau để HS tiếp cận và hiểu được các nội dung học tập trọng tâm.
- Đưa ra cho HS nhiều cách khác nhau để thực hiện/xử lý nội dung như làm việc nhóm, dự án hoặc hoạt động độc lập.
- Đưa ra nhiều lựa chọn về cách thức thể hiện những gì đã học được.
- Các nhiệm vụ học tập kích thích tư duy bậc cao với nhiều mức độ phức tạp và thời gian linh hoạt để thách thức mỗi HS.
- Hấp dẫn và thú vị với HS.
- Đòi hỏi HS liên hệ, mở rộng hoặc áp dụng các kiến thức, kỹ năng cốt lõi để quyết vấn đề, đồng thời nhận ra mối liên hệ giữa các yếu tố này.
- Có sự hỗ trợ khác nhau từ GV hay bạn học theo hướng bắc giàn (scaffolding) tùy theo nhu cầu và khả năng của từng HS.

2.2.3. Phân hóa sản phẩm

Trước khi tìm hiểu về phân hóa sản phẩm học tập, sẽ hữu ích khi phân biệt ba cơ chế có liên quan nhưng khác nhau mà HS có thể sử dụng để thể hiện những gì HS đang học, bao gồm: (1) các hoạt động tạo nghĩa (tạo dựng cảm thức về thế giới xung quanh), (2) các nhiệm vụ thực hiện cho thấy kết quả đã đạt được, và (3) các sản phẩm học tập.

Bảng 2.1. Các cơ chế HS thể hiện những kiến thức, kỹ năng đã học

Các hoạt động tạo nghĩa (Sense-making activities)	Các nhiệm vụ thực hiện (Performance tasks)	Sản phẩm học tập (Product assignments)
- Yêu cầu HS thể hiện sự thành thạo về nội dung cụ thể hoặc khả năng áp dụng nội dung đó. - Gồm các hoạt động HS tạo ra, thực hiện hoặc viết điều gì đó để thể hiện những gì đã học được sau	- Yêu cầu HS thể hiện mức độ thành thạo hiện tại với các phần học tập kéo dài hơn so với các <i>hoạt động tạo nghĩa</i> (để hiểu nội dung học tập). - Thường được hoàn thành vào giữa kỳ đánh giá hoặc	- Điểm giống <i>nhiệm vụ thực hiện</i>: Yêu cầu HS thể hiện sự thành thạo với kiến thức và kỹ năng cốt lõi, đồng thời áp dụng và chuyển giao những gì đã học vào một bối cảnh ngoài

một phần học tương đối ngắn – thường trong một hoặc hai tiết học.	cuối các phần quan trọng của một đơn vị bài học. Mục đích là đánh giá mức độ HS có thể áp dụng hoặc chuyển giao những gì đã học được cho đến thời điểm đó.	những gì đã gặp trong lớp học. - Được hoàn thành vào cuối những khoảng thời gian học tập quan trọng – thường là vào cuối các đơn vị học tập, các kỳ đánh giá như các học kỳ.
- Các hoạt động này mang tính hình thành (formative), nghĩa là chúng diễn ra trong quá trình thực hành và thường không nên chấm điểm.	- Hầu hết được hoàn thành trong lớp học trong một khoảng thời gian quy định. - Mang tính tổng kết (summative) và thường được chấm điểm.	- Mang tính tổng kết và do đó thường được chấm điểm.

Trong dạy học, phân hóa nhiệm vụ/bài tập sản phẩm (*Product assignments*) có những ưu điểm hơn so với các *nhiệm vụ thực hiện* như:

- Đòi hỏi HS làm việc ở mức độ rộng hơn và sâu hơn, cần nhiều thời gian hơn để hoàn thành.

- Linh hoạt hơn trong việc hỗ trợ nhu cầu của HS, cho phép HS áp dụng kiến thức vào các lĩnh vực mà mình quan tâm và làm việc theo phương pháp ưa thích.

- Linh hoạt về hình thức thực hiện sản phẩm, trong đó HS có thể làm việc với sản phẩm một mình, theo cặp hoặc theo nhóm.

- Yêu cầu HS dành thời gian cả trong và ngoài lớp để phát triển sản phẩm. Các bài tập sản phẩm chính là cơ hội để HS thực hiện những công việc có ý nghĩa và có liên hệ với thực tế cuộc sống – để HS thấy những gì các em học ở trường vượt qua giới hạn của các bài tập trên giấy và các bài kiểm tra tiêu chuẩn.

- Các bài tập sản phẩm chất lượng cao cũng là một cách hữu ích để đánh giá kiến thức, hiểu biết và kỹ năng của HS. Nhiều HS có thể thể hiện những gì mình biết thông qua một sản phẩm tốt hơn là qua một bài kiểm tra viết. Trong một lớp học phân hóa, GV có thể thay thế một số bài kiểm tra tổng kết bằng các bài tập sản phẩm phong phú hoặc sử dụng kết hợp giữa *bài kiểm tra tổng kết*, *nhiệm vụ thực hiện* và *tự chọn sản phẩm tổng kết*. Cách tiếp cận này giúp nhiều đối tượng HS có cơ hội tối đa để suy nghĩ, áp dụng và thể hiện những gì họ đã học được.

Để thực hiện phân hóa sản phẩm, GV cần nắm rõ các các yếu tố của một nhiệm vụ sản phẩm. Dưới đây tóm tắt các thành phần và hướng dẫn thiết kế nhiệm vụ sản phẩm, bao gồm cả yếu tố phân hóa.

Bảng 2.2. Các hướng dẫn thiết kế một nhiệm vụ sản phẩm chất lượng cao

1. Xác định các mục tiêu cốt lõi cho đơn vị học tập: Cần bắt đầu với mục tiêu rõ ràng (về kiến thức, hiểu biết và kỹ năng cốt lõi) và thiết kế các bài tập làm sản phẩm giúp HS tập trung vào những mục tiêu này.
2. Xác định một hoặc nhiều định dạng cho sản phẩm:
 - Theo yêu cầu của chương trình học (ví dụ: bài luận, thí nghiệm, vẽ, biểu đồ...).
 - Theo hứng thú: Định dạng sản phẩm giúp HS hào hứng với nội dung học.
 - Hồ sơ học tập: Định dạng giúp HS tiếp cận cách thể hiện mới lạ hoặc theo khả năng.
3. Xác định các kỳ vọng về chất lượng sản phẩm trong:
 - Nội dung: Thể hiện rõ các mục tiêu kiến thức, hiểu biết và kỹ năng cốt lõi.
 - Quy trình: Gồm lên kế hoạch, đặt mục tiêu, quản lý thời gian, sử dụng nguồn tài liệu, tiếp nhận phản hồi, chỉnh sửa, v.v.
 - Đặc tính: Về kích thước, cấu trúc, độ bền, thành phần cần có, bằng chứng cho chất lượng sản phẩm.
4. Xác định các bước và yếu tố hỗ trợ HS làm sản phẩm thành công, ví dụ:
 - Gợi ý ý tưởng làm sản phẩm
 - Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm
 - Mẫu dàn ý cho các phần của sản phẩm
 - Dòng thời gian và các mốc kiểm tra sản phẩm
 - Công cụ thu thập dữ liệu, thông tin về sản phẩm
 - Hướng dẫn đánh giá, phản hồi trong quá trình thực hiện
5. Thiết kế bài tập sản phẩm với các chỉ dẫn và tiêu chí rõ ràng: làm rõ HS cần làm sản phẩm gì, bằng cách nào và với định dạng nào, cần đảm bảo các tiêu chí gì
6. Cá nhân hóa bài tập sản phẩm nếu cần, dựa trên: mức độ sẵn sàng, sở thích và hồ sơ học tập cá nhân của HS.
7. Cung cấp một số định dạng sản phẩm mà HS có thể lựa chọn hoặc khuyến khích HS đưa ra đề xuất thay thế (thay vì lúc nào cũng chỉ làm áp phích hoặc báo cáo).
8. Khuyến khích HS sử dụng đa dạng các hình thức thể hiện, vật liệu và công nghệ.

9. Đảm bảo rằng HS đã học được các kĩ năng thực hành cần thiết, chứ không chỉ nội dung cần biết. Ví dụ, đừng cho phép các em thực hiện một cuộc tranh luận, bài thuyết trình, hay phát triển một trang web nếu không cung cấp hoặc đảm bảo các em tìm được hướng dẫn rõ ràng về tiêu chí chất lượng đối với từng hình thức đó.

10. Cân nhắc cách HS sẽ trình bày sản phẩm của mình. Việc yêu cầu tất cả HS trình bày trước toàn lớp có thể rất tốn thời gian trừ khi GV đã dạy HS cách thuyết trình hiệu quả. Có một số lựa chọn thay thế như cho triển lãm sản phẩm, chia sẻ trong nhóm bốn người, hoặc trình bày cá nhân với người đóng vai trò cổ vấn hoặc khán giả.

2.3. Vận dụng phân hóa nội dung, quá trình, sản phẩm trong môn học

Trong giới hạn bài viết, dưới đây đưa ra một số minh họa cụ thể các hướng phân hóa trong môn Toán trong bối cảnh thực hiện CTGDPT 2018, dựa theo bộ SGK Kết nối tri thức với cuộc sống và có tham chiếu bộ sách của Cambridge [6], [7] [8]. Theo từng môn học/lĩnh vực học tập, GV có thể liên hệ và đưa ra nhiều điều chỉnh linh hoạt và nhiều lựa chọn đa dạng để đáp ứng mức độ sẵn sàng, sở thích và hồ sơ học tập của HS.

Thông tin môn học:	Chủ đề: <i>Chu vi, diện tích một số hình phẳng</i>
Môn toán lớp 3	SGK: Kết nối tri thức với cuộc sống (tập 2)
	Bài 52: Diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông (3 tiết)

TIẾT 1: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, BÀI TẬP 3

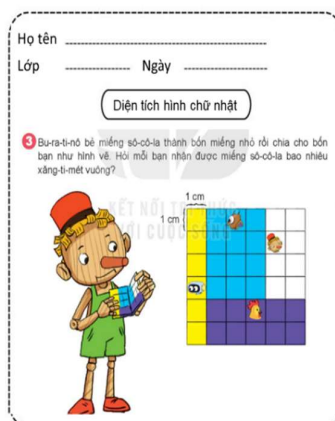
* **Hướng phân hóa 1:** Phân hóa quá trình (tasks): tính diện tích các hình có/không có lưới kẻ ô, theo mức độ sẵn sàng (kĩ năng toán: dùng thước đo, ghi chép số đo).

- Cách tổ chức: GV phát phiếu hoặc cho HS chọn làm 1/2 loại phiếu, làm theo cá nhân/cặp đôi.

- Đồ dùng: 2 loại phiếu

+ Phiếu 1: Tính diện tích 4 phần miếng sô-cô-la có lưới kẻ ô (như SGK).

+ Phiếu 2: Dùng thước đo các cạnh của 4 hình chữ nhật (không có lưới kẻ ô vuông) rồi tính diện tích.



* **Hướng phân hóa 2:** Phân hóa nội dung, theo sở thích.

- Cách tổ chức: GV cho mỗi HS tự chọn làm 1 trong các phiếu tùy theo ý muốn; hình thức: làm việc cá nhân

- Đồ dùng: các loại phiếu

+ Phiếu 1: Tính diện tích 4 phần miếng sô-cô-la như SGK (hình trên)

+ Phiếu 2: Tô màu các bộ phận con rô-bốt → tính diện tích các bộ phận và diện tích tổng.

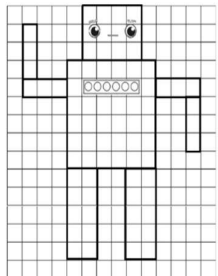
+ Phiếu khác: Tô màu và tính diện tích các bộ phận của một con vật em yêu thích.

GV thiết kế phiếu bài tập này tương tự phiếu 2 (con rô-bốt) theo các mẫu tham khảo, ví dụ: *con voi, hươu cao cổ, con chim*.

Họ tên _____ Ngày _____

Diện tích hình chữ nhật

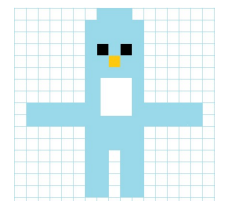
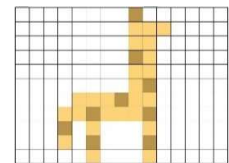
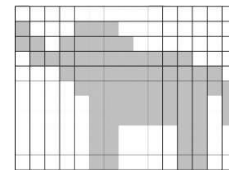
① Tô màu các phần của con rô-bốt. Tính diện tích từng phần vào bảng dưới đây.



Tô màu và tính diện tích con rô-bốt theo bảng sau:

Các bộ phận	Diện tích
Đầu	
Tay	
Chân	
Thân	

Mẫu chọn con vật



* **Hướng phân hóa 3:** Phân hóa quá trình (instruction), theo hồ sơ học tập.

- Cách tổ chức: HS làm việc cá nhân/cặp đôi, tùy chọn ở 1 góc/khu vực theo nhóm lớn

+ Nhóm 1: Làm phiếu bài tập tính diện tích thanh sô-cô-la (như SGK)

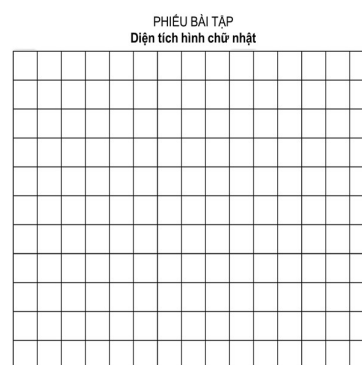
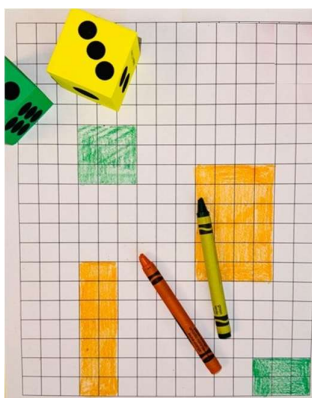
+ Nhóm 2: Chơi xúc xắc. HS chọn chơi cá nhân hoặc cặp đôi

• Nếu làm cá nhân: Lấy phiếu → tung 2 xúc xắc được số đo chiều dài, rộng → tô màu hình chữ nhật (tung 4 lần, 4 màu) → tính diện tích hình chữ nhật và diện tích tổng.

• Nếu chơi theo cặp: Lấy phiếu → lần lượt tung xúc xắc được số đo chiều dài, rộng → tô màu hình chữ nhật → tính diện tích hình chữ nhật và so sánh diện tích tổng.

+ Nhóm 3: Chơi xếp thẻ gỗ ô vuông. Mỗi HS/cặp nhận một bộ thẻ gỗ các màu. Yêu cầu HS chọn thẻ gỗ đúng màu để xếp 4 miếng sô-cô-la như hình (SGK) → tính diện tích từng miếng ghép bằng quy tắc.

- Đồ dùng cần chuẩn bị:
- + Nhóm 1: Phiếu bài tập
- + Nhóm 2: 2 con xúc xắc, phiếu kẻ ô để vẽ hình chữ nhật, bút màu.
- + Nhóm 3: Bộ miếng thẻ gỗ các màu kích thước cạnh 1cm, phiếu hoặc thẻ ghi kết quả.

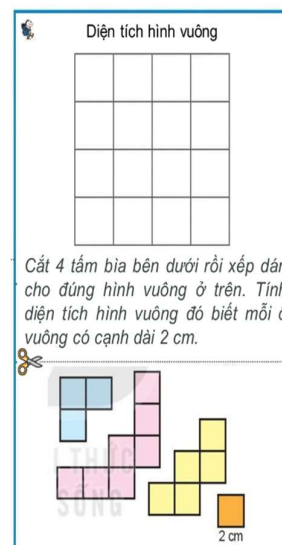
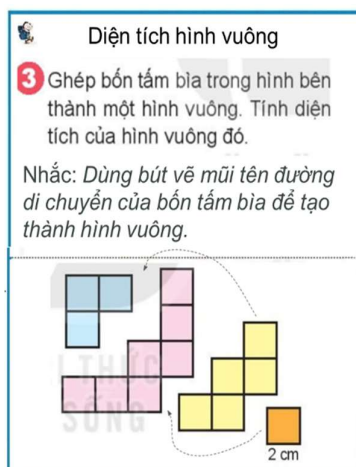


TIẾT 2: DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG (BÀI TẬP 3)

* **Hướng phân hóa:** Phân hóa quá trình (task), theo hồ sơ học tập (cách học phù hợp của HS, nhất là HS thiên về trí thông minh vận động)

- Cách tổ chức: GV cho HS tự chọn làm 1/2 phiếu bài tập theo ý muốn, hình thức: làm việc cá nhân

- Đồ dùng:
- + Phiếu 1 (như SGK): HS quan sát hình → Vẽ mũi tên đường đi chuyển để ghép tạo hình vuông → Tính diện tích hình vuông.
- + Phiếu 2: Cắt 4 hình → xếp dán tạo thành hình vuông cho sẵn → tính diện tích hình vuông.



TIẾT 3: LUYỆN TẬP, BÀI TẬP 2

* **Hướng phân hóa:** Phân hóa quá trình (task), theo hồ sơ học tập của HS.

- Cách tổ chức: GV cho mỗi HS tự chọn làm 1/3 phiếu tùy theo ý muốn; hình thức: làm việc cá nhân.

- Đồ dùng, học liệu:
- + Phiếu 1 (như SGK): HS xem hình và điền số vào bảng.

+ Phiếu 2: Có 3 hình màu (đỏ, xanh, nâu), bỏ kẻ ô và số đo. Yêu cầu: HS dùng thước đo cạnh hình vuông (màu đỏ), hình chữ nhật (màu xanh, nâu) → Tính diện tích.

+ Phiếu 3: Cho bảng có sẵn 3 số đo diện tích tương ứng 3 hình. Cho 3 hình (có màu) và kích thước các cạnh → HS cắt dán hình vào ô đúng với diện tích hình đó.

Họ tên _____
Lớp _____ Ngày _____

Diện tích hình chữ nhật, hình vuông

2 Ba bác kiến rào đất để trồng nấm. Kiến lửa rào mảnh đất màu đỏ. Kiến gió rào mảnh đất màu xanh. Kiến bọ dọt rào mảnh đất màu nâu.

a) Số ?

Mảnh đất	Đỏ	Xanh	Nâu
Chu vi (cm)	?	?	?
Diện tích (cm ²)	?	?	?

b) Mảnh đất nào có diện tích lớn nhất?

Họ tên _____
Lớp _____ Ngày _____

Diện tích hình chữ nhật, hình vuông

2 Ba bác kiến rào đất để trồng nấm. Kiến lửa rào mảnh đất màu đỏ. Kiến gió rào mảnh đất màu xanh. Kiến bọ dọt rào mảnh đất màu nâu.

	21	25	24
Diện tích (cm ²)			
Chu vi (cm)	?	?	?
Mảnh đất	(dán hình)	(dán hình)	(dán hình)

Biết diện tích của ba mảnh đất ở bảng trên. Hãy cắt dán hình vào ô tương ứng đúng với diện tích.

Trong quá trình dạy học, vì HS xử lý ý tưởng khi đọc nội dung, suy nghĩ (tức quá trình) khi tạo ra sản phẩm và nảy ra ý tưởng cho sản phẩm trong quá trình tiếp cận các tài liệu học tập – nghĩa là khó có thể tách biệt rạch ròi các yếu tố nội dung, quá trình và sản phẩm khi thực hiện phân hóa [4] [9].

Ví dụ, với bài tập trên, GV thực hiện phân hóa nội dung:

- Phân hóa nội dung (theo mức độ sẵn sàng): tính và so sánh diện tích 3 hình (theo nội dung SGK) và so sánh với diện tích hình 4 đưa thêm vào (mở rộng ngoài SGK) – bằng sử dụng Thực đơn toán, cho HS tự lựa chọn làm 1 trong 3 yêu cầu theo từng hàng trong thực đơn.

- Khi phân hóa các lựa chọn nội dung đồng thời giúp đưa ra nhiều lựa chọn về cách thức thực hiện tương ứng (phân hóa quá trình) theo cách học phù hợp với HS.

Họ tên: _____																																							
THỰC ĐƠN TOÁN (Math menu)																																							
Bài 52: Diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông (tiết 3)																																							
👉 Hãy làm mỗi bài tập ở từng hàng. Viết kết quả vào ô tương ứng. Thời gian: 15 phút																																							
Main Course (món chính)	🔴 Ba bác kiến rào đất để trồng nấm. Kiến Lúa rào mảnh đất màu đỏ. Kiến Gạo rào mảnh đất màu xanh. Kiến Bọ cạp rào mảnh đất màu nâu. a) Số ? <table><thead><tr><th>Mảnh đất</th><th>Đỏ</th><th>Xanh</th><th>Nâu</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chu vi (cm)</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>Diện tích (cm²)</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr></tbody></table>	Mảnh đất	Đỏ	Xanh	Nâu	Chu vi (cm)	?	?	?	Diện tích (cm ²)	?	?	?	🔴 Ba bác kiến rào đất để trồng nấm. Kiến Lúa rào mảnh đất màu đỏ. Kiến Gạo rào mảnh đất màu xanh. Kiến Bọ cạp rào mảnh đất màu nâu. a) Dùng thước đo độ dài các mảnh đất hình vuông màu đỏ, hình chữ nhật màu xanh, hình chữ nhật màu nâu. Tính chu vi, diện tích các hình và điền vào [?] trong bảng. <table><thead><tr><th>Mảnh đất</th><th>Đỏ</th><th>Xanh</th><th>Nâu</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chu vi (cm)</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>Diện tích (cm²)</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr></tbody></table>	Mảnh đất	Đỏ	Xanh	Nâu	Chu vi (cm)	?	?	?	Diện tích (cm ²)	?	?	?	🔴 Ba bác kiến rào đất để trồng nấm. Kiến Lúa rào mảnh đất màu đỏ. Kiến Gạo rào mảnh đất màu xanh. Kiến Bọ cạp rào mảnh đất màu nâu. <table><thead><tr><th>Diện tích (cm²)</th><th>21</th><th>25</th><th>24</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chu vi (cm)</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>Mảnh đất</td><td>(dán hình)</td><td>(dán hình)</td><td>(dán hình)</td></tr></tbody></table> Biết diện tích của ba mảnh đất ở bảng trên. Hãy cắt dán hình vào ô tương ứng đúng với diện tích.	Diện tích (cm ²)	21	25	24	Chu vi (cm)	?	?	?	Mảnh đất	(dán hình)	(dán hình)	(dán hình)
Mảnh đất	Đỏ	Xanh	Nâu																																				
Chu vi (cm)	?	?	?																																				
Diện tích (cm ²)	?	?	?																																				
Mảnh đất	Đỏ	Xanh	Nâu																																				
Chu vi (cm)	?	?	?																																				
Diện tích (cm ²)	?	?	?																																				
Diện tích (cm ²)	21	25	24																																				
Chu vi (cm)	?	?	?																																				
Mảnh đất	(dán hình)	(dán hình)	(dán hình)																																				
Desserts (món tráng miệng)	b) Mảnh đất nào có diện tích lớn nhất?	b) Mảnh đất nào có diện tích lớn nhất?	b) Mảnh đất nào có diện tích lớn nhất, nhỏ nhất?																																				
Drink (đồ uống)	- Kiến 4: rào mảnh đất hình vuông (độ dài cạnh 4 cm). Hỏi mảnh đất nào có diện tích lớn nhất, nhỏ nhất?	- Kiến 4 rào mảnh đất hình chữ nhật (chiều dài 7 cm, chiều rộng 4cm). Hỏi mảnh đất nào có diện tích lớn nhất, nhỏ nhất?	- Kiến 4 rào mảnh đất hình tam giác (như hình). Hỏi mảnh đất nào có diện tích lớn nhất, nhỏ nhất?																																				

Kết luận: Việc vận dụng linh hoạt các chiến lược phân hóa nội dung, quá trình và sản phẩm giúp GV thiết kế các hoạt động học toán phù hợp với cá nhân HS mà vẫn đảm bảo tiến độ chung của lớp và nội dung giảng dạy theo chương trình. Với tính logic xuyên suốt của nội dung môn Toán, GV có thể vận dụng và mở rộng phân hóa nội dung, quá trình, sản phẩm với cùng mạch nội dung/chủ đề toán học qua các lớp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. M. Charles (1974), Teacher's Petit Piaget, US: Lake Pub Co.

2. D. Heacox (2012), Differentiating Instruction in the Regular Classroom: How to Reach and Teach All Learners, Minneapolis: US: Free Spirit Publishing.

3. R. Orr (2017), 100 Ideas For Primary Teachers Different, US: Bloomsbury Education.

4. C. A. Tomlinson (2017), How to Differentiate Instruction in Academically Diverse Classrooms 3rd Edition, US: ASCD.

5. C. A. Tomlinson (2014), The Differentiated Classroom: Responding to the Needs of All Learners 2nd Edition, US: ASCD.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán.

7. Hà Huy Khoái (tổng chủ biên) (2023), Toán 3 - Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam.

8. Mary Wood, Emma Low (2021), Cambridge Primary Mathematics Learner's Book 4 with Digital Access, UK: Cambridge University Press and Assessment.

9. J. Fox (2011), The Differentiated Instruction Book of Lists, Jossey-Bass.

DIFFERENTIATION OF CONTENT, PROCESS AND PRODUCTS IN PRIMARY SCHOOL TEACHING

Le Thi Nguyen

Abstract: *Differentiation is an important part of the curriculum. It is a broad concept that covers all aspects of teaching, from classroom activities to follow-up assignments at home. This article aims to clarify key aspects of differentiation in teaching different subjects – including differentiation through content, process, and products – and provides concrete examples to help teachers understand and apply differentiation across various subjects and areas.*

Keywords: *Differentiated instruction, differentiating content, differentiating process, differentiating products.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-3-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-4-2025; ngày chấp nhận đăng: 14-5-2025)